

BẢNG SỐ 9**BẢNG GIÁ ĐẤT KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN THUỘC HUYỆN CHƯƠNG MỸ***(Kèm theo Quyết định số: 124/2009/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của UBND thành phố Hà Nội)*Đơn vị tính: đ/m²

TT	Tên địa phương	Mức giá	
		Đất ở	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp
1	Thủy Xuân Tiên	780 000	500 000
2	Đông Sơn	780 000	500 000
3	Trường Yên	780 000	500 000
4	Đông Phương Yên	780 000	500 000
5	Phú Nghĩa	780 000	500 000
6	Ngọc Hoà	780 000	500 000
7	Tiên Phương	780 000	500 000
8	Phụng Châu	780 000	500 000
9	Tân Tiến	600 000	400 000
10	Nam Phương Tiến	600 000	400 000
11	Thuy Hương	600 000	400 000
12	Lam Điền	600 000	400 000
13	Hữu Văn	600 000	400 000
14	Tốt Động	600 000	400 000
15	Hoà Chính	600 000	400 000
16	Đồng Phú	600 000	400 000
17	Hồng Phong	600 000	400 000
18	Quảng Bị	600 000	400 000
19	Hợp Đồng	600 000	400 000
20	Đại Yên	600 000	400 000
21	Phú Nam An	600 000	400 000
22	Trung Hoà	600 000	400 000
23	Thanh Bình	600 000	400 000
24	Hoàng Văn Thụ	500 000	300 000
25	Đồng Lạc	500 000	300 000
26	Trần Phú	500 000	300 000
27	Mỹ Lương	500 000	300 000
28	Thượng Vực	500 000	300 000
29	Hoàng Diệu	500 000	300 000
30	Văn Võ	450 000	270 000